

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/ý: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 11/03/2021

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD5+P7+P4	7:25	20+0+2	0+0+0		17+0+0	0+0+0	chuyen 1 P7-P4
2		TD3+P2+P10	7:25	15+7+0	0+0+0		13+0+3	0+0+0	chuyen 2 td3-p2
3		PVD2+RP2+RCDM	9:25	22+0+0	0+0+0		16+2+4	0+0+0	
4		TD1+TD3	9:25	1+20	0+0		0+22	0+0	
5		BK10+VSP01+PVD2	11:25	2+10+8	0+0+0		0+0+17	0+0+0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/03/2021	TO: TD5 - P7 - P4	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: HUNG - XTruong -	ETA: 09:10
xanh-1		QTruong	

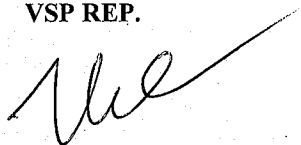
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN NHU Y	TD5					80	KHOAN	Vietnamese
2	LE VIET THANG	TD5	29	1	8		63	KHOAN	Vietnamese
3	HO HOAN KIEM	TD5	32	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
4	ĐINH VĂN SỰ	TD5					75	KHOAN	Vietnamese
5	LE VAN HIEN	TD5	44	1	4		80	KHOAN	Vietnamese
6	VU XUAN ANH-PVD	TD5	38	1	5		50	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN DUY KHANH	TD5					75	KHOAN	Vietnamese
8	TRAN DUY ĐUC	TD5	48	1	5	40	78	KHOAN	Vietnamese
9	PHAM VAN KHOAN-PVD	TD5	47	1	5		56	KHOAN	Vietnamese
10	HOANG NHAT QUANG	TD5	46	1	5	50	55	KHOAN	Vietnamese
11	LAM VAN HANH	TD5	45	1	7		62	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN LAM GIANG	TD5	33-34	2	14		65	KHOAN	Vietnamese
13	TRANG NGOC HUNG	TD5	39	1	12		72	KHOAN	Vietnamese
14	VU HUU KE	TD5	40-42	3	15		85	KHOAN	Vietnamese
15	HA KHUONG DUY	TD5	36-37	2	15		60	KHOAN	Vietnamese
16	LE MANH HUNG	TD5					72	ANTOAN	Vietnamese
17	NGUYEN BA HUNG	TD5	30	1	7		80	DVL	Vietnamese
18	CHU DINH THANH	TD5	43	1	8		55	DVL	Vietnamese
19	NGUYEN HOANG LONG	TD5	31	1	10		67	DVL	Vietnamese
20	NGUYEN VAN DUY	TD5	35	1	4		56	PSV	Vietnamese
21	TRAN THIEN SON	P4	40-41	2	17		63	BIEN DONG	Vietnamese
22	NGUYEN VAN THUY	P4	42	1	10	20	60	BIEN DONG	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	20	20	129	1.361	90	17		chuyen 01 pax tu p7 sang p4
2	P7	0	0	0	0	8	0		
3	P4	2	3	27	123	20	0		
TOTAL		22	23	156	1.484	118	17		
WEIGHT KG				156	1.484	118			

GRAND TOAL: 1.758 KGS

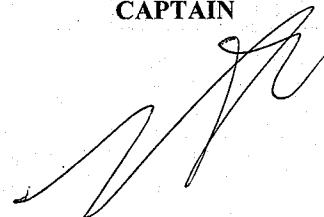
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/03/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: TD3 - P2 - P10	CREW: VThắng - D Nam - HIẾU	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	OLEYNIK IVAN	TD3	64	1	7	20	74	KHOAN	Russian
2	NGUYỄN VĂN TRUNG	TD3	76	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
3	TRẦN HỮU THỌ	TD3	65	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
4	HOÀNG PHẠM NGỌC VŨ	TD3	75	1	4		100	KHOAN	Vietnamese
5	PHẠM HÙNG DƯƠNG	TD3	70	1	4		98	KHOAN	Vietnamese
6	HUYNH AI HỮU	TD3	67	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
7	TRẦN MẠNH HÙNG	TD3	74	1	4		72	KHOAN	Vietnamese
8	LÊ ANH THOẠI	TD3	77-78	2	7		92	KHOAN	Vietnamese
9	PHẠM DƯƠNG HAI	TD3	68	1	9		65	KHOAN	Vietnamese
10	VŨ TIẾN DŨNG	TD3	66	1	3		66	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN THẮNG LỢI	TD3	72	1	3		59	KHOAN	Vietnamese
12	VŨ LONG PHI	TD3	71	1	9		75	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ TỰ HỢP	TD3	73	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ VĂN NGHĨA	TD3	69	1	9		69	KHOAN	Vietnamese
15	VĂN ĐÌNH QUANG	TD3	79-80	2	11		62	KHOAN	Vietnamese
16	PHẠM CÔNG PHU	P2	54	1	5	20	67	NIPI	Vietnamese
17	ĐẬU ĐỨC VŨ HUYNH	P2	55	1	5		66	NIPI	Vietnamese
18	ĐẶNG HỒNG CHỨC	P2	06	1	10		65	OMSC	Vietnamese
19	NGÔ SỸ TRƯỜNG	P2	04	1	9		80	OMSC	Vietnamese
20	NGUYỄN TRI TÀI	P2	03	1	9		61	OMSC	Vietnamese
21	VŨ QUỐC VIỆT	P2	56	1	11		61	OMSC	Vietnamese
22	TẠ VĂN LỢI	P2	02	1	7		57	OMSC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	15	17	90	1.121	20	13	2	CHUYỂN 2 PAX TỪ TD3 SANG P2
2	P2	7	7	56	457	20	0		
3	P10	0	0	0	0	20	3		
TOTAL		22	24	146	1.578	60	16		
WEIGHT KG				146	1.578	60			

GRAND TOTAL: 1.784 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/03/2021	TO: PVD2 - RP2 - RCDM	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:40
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: HUNG - XTrưởng - QTrưởng	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM QUYET THANG	PVD2	01-02	2	8		53	PVD	Vietnamese
2	PHAM VAN THIET	PVD2	27	1	5		72	PVD	Vietnamese
3	PHAM VAN TAN	PVD2	15	1	5		60	PVD	Vietnamese
4	NGUYEN VAN MINH	PVD2	18	1	6	40	81	PVD	Vietnamese
5	TRAN DAI DUONG	PVD2	11	1	8		80	XNK&SG	Vietnamese
6	HO MINH TRINH	PVD2	09	1	10		75	XNK&SG	Vietnamese
7	PHAN DANG TUAN	PVD2	04	1	10		56	XNDVL	Vietnamese
8	DANG TIEN CANH	PVD2	12-13	2	18		65	DMC	Vietnamese
9	PHAM THAI BAO	PVD2	07-08	2	15		73	DMC	Vietnamese
10	BUI XUAN THEM	PVD2	10	1	5		81	XNK&SG	Vietnamese
11	VU QUANG	PVD2	28	1	10		79	BMĐH	Vietnamese
12	LE KHAC KIEN	PVD2	03	1	11		58	PVD	Vietnamese
13	MAI DONG DUY	PVD2	19	1	5		63	PVD	Vietnamese
14	NGUYEN HUY HOANG	PVD2	26	1	8		67	PVD	Vietnamese
15	NGUYEN CHI THANG	PVD2	21	1	10		72	PVD	Vietnamese
16	NGUYEN VAN TRUONG	PVD2	14	1	5		71	PVD	Vietnamese
17	NGUYEN DINH CHUNG	PVD2	20	1	6		90	PVD	Vietnamese
18	HOANG TRONG QUYNH	PVD2	16	1	5		70	PVD	Vietnamese
19	NGUYEN TIEN VINH	PVD2	24	1	9		68	PVD	Vietnamese
20	MAI VAN LUAN	PVD2	25	1	8		64	PVD	Vietnamese
21	PHAN HOAI NIEM	PVD2	17	1	10		74	PVD	Vietnamese
22	LE QUANG TRUONG	PVD2	22-23	2	12		77	PVD	Vietnamese

FLIGHT PLAN

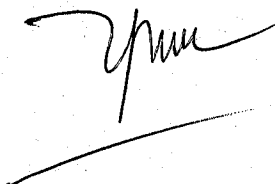
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	22	26	189	1.549	40	16		
2	RP2	0	0	0	0	0	2		
3	RCDM	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		22	26	189	1.549	40	22		
WEIGHT KG				189	1.549	40			

GRAND TOAL: 1.778 KGS

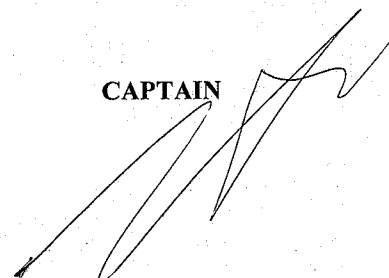
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/03/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:45
FLIGHT:	TO: TD1 - TD3	CREW: VThắng - D Nam - HIẾU	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN MANH HOAN	TD1	55	1	6		60	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN SANG	TD3	80	1	5		83	KHOAN	Vietnamese
3	VÕ XUÂN	TD3	95	1	16		95	ANTOAN	Vietnamese
4	DUƠNG TRUNG KIẾN	TD3	97	1	9		61	DVL	Vietnamese
5	TRẦN VĂN GIANG	TD3	96	1	7		73	DVL	Vietnamese
6	NGUYỄN HUNG DUNG	TD3	89	1	9		78	DVL	Vietnamese
7	LÊ HOÀI THIÊN	TD3	90	1	11		78	DVL	Vietnamese
8	LƯU BA XÔ	TD3	91	1	9	38	92	DVL	Vietnamese
9	LÊ ĐÌNH TÂM	TD3	82	1	6		78	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN VIỆT LỘC	TD3	84-86	3	20		57	XAYLAP	Vietnamese
11	NGÔ TRUNG KIẾN	TD3	87-88	2	14	20	72	XAYLAP	Vietnamese
12	LƯƠNG XUÂN ĐƯỢC	TD3	92	1	8		69	PSV	Vietnamese
13	QUÁCH ĐẮC THẠNH	TD3	83	1	5		54	PSV	Vietnamese
14	VŨ ĐẠI ĐÌNH	TD3	94	1	6		66	PSV	Vietnamese
15	LÊ THANH CHÂU	TD3	93	1	7		71	PSV	Vietnamese
16	HOANG VĂN THẮNG	TD3	77	1	3		53	PSV	Vietnamese
17	ĐỖ XUÂN CHINH	TD3	79	1	6		68	PSV	Vietnamese
18	VÕ VĂN TUẤN TỬ	TD3	81	1	4		70	PSV	Vietnamese
19	TRẦN VĂN SANG	TD3	78	1	4		63	PSV	Vietnamese
20	PHẠM VĂN DUÂN	TD3					71	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN XUÂN HẠNH	TD3	76	1	8		73	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	1	1	6	60	0	0		
2	TD3	20	22	157	1.425	58	22		
TOTAL		21	23	163	1.485	58	22		
WEIGHT KG				163	1.485	58			

GRAND TOAL: 1.706 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/03/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:50
FLIGHT: 05	TO: BK10 - VSP01 - PVD2	CREW: HUNG - Linh - QTruong	ETA: 13:30
TRANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CAO QUANG HUNG	BK10	28-29	2	17	22	113	CODIEN	Vietnamese
2	VU NGOC CANH	BK10	30-31	2	17	25	80	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYEN VAN DUC	VSP01	14	1	10		72	CTY LONG	Vietnamese
4	VU NGOC TAN	VSP01	20-21	2	15		70	CTY LONG	Vietnamese
5	NGUYEN VAN HIEN	VSP01	15-16	2	12		67	CTY LONG	Vietnamese
6	NGUYEN VAN TRUONG	VSP01	13	1	5		60	CTY LONG	Vietnamese
7	LE VAN CUONG	VSP01	18-19	2	15		67	CTY LONG	Vietnamese
8	LE HOANG QUOC TAM	VSP01	17	1	10		56	CTY LONG	Vietnamese
9	CAO THANH SAC	VSP01	08	1	8		72	CTY LONG	Vietnamese
10	CAO VAN DUNG	VSP01	07	1	9		64	CTY LONG	Vietnamese
11	NGUYEN HONG DAT	VSP01	03-04	2	11	35	80	SHINTRAC	Vietnamese
12	NGO DINH PHUONG	VSP01	01-02	2	11		60	SHINTRAC	Vietnamese
13	NGUYEN HAI HOAN	VSP01	06	1	4		66	PSV	Vietnamese
14	VU TIEN DUNG	VSP01	05	1	6		65	PSV	Vietnamese
15	NGUYEN VAN LINH	PVD2	74	1	4		53	PVD	Vietnamese
16	DUONG QUOC VINH	PVD2	71	1	5		63	PVD	Vietnamese
17	NGUYEN CAO TUAN	PVD2	69	1	3		55	PVD	Vietnamese
18	DINH TIEN HUU	PVD2	72	1	7		65	PVD	Vietnamese
19	NGUYEN PHUNG QUE	PVD2	70	1	5		72	PVD	Vietnamese
20	BUI NGOC TU	PVD2	73	1	6		57	PVD	Vietnamese
21	NGUYEN QUOC HUY	PVD2	68	1	8		53	PVD	Vietnamese
22	NGUYEN TAN VUONG	PVD2	67	1	8		70	PVD	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK10	2	4	34	193	47	0		
2	VSP01	12	17	116	799	35	0		
3	PVD2	8	8	46	488	0	17		
TOTAL		22	29	196	1,480	82	17		
WEIGHT KG				196	1,480	82			

GRAND TOAL: 1.758 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 12/03/2021

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PPD+P6+CLO	7:25	22+0+0	0+0+0		19+0+2	0+0+0	chuyen 1 P6-clo
2		P2+P7+HST	7:25	20+1+1	0+0+0		10+1+7	0+0+0	
3		P9-P10+AMD+TGTH4	9:25	7+11+2	0+0+0		0+10+7	0+0+0	CHUYEN 1 P9-P10
4		TD5+VSP01+P3	9:25	5+8+8	0+0+0		0+3+1	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/03/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: PPD - P6 - CLO	CREW: Phong - VLinH - DTùng	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN MẠNH CUÔNG	PPD	77	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐẶNG VĂN NINH	PPD					65	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI NANG PHONG	PPD	58	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI VĂN ĐẠO	PPD	63-64	2	5	17	72	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN CAO CUÔNG	PPD					70	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐẠO MẠNH HUY	PPD	78	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
7	BIỆN MINH SƠN	PPD	57	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ VĂN VIỆT	PPD	71	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN ĐĂNG QUANG	PPD	66-68	3	18	23	65	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ NGỌC SƠN	PPD	65	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGÔ ĐỨC VỌNG	PPD					65	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐỖ ĐỨC QUÂN	PPD	62	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN SƠN	PPD	56	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN CHUNG	PPD	60-61	2	5		67	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VIỆT TIẾN	PPD	74-75	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN SINH	PPD	59	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
17	DƯƠNG MINH QUÂN	PPD	85-87	3	13		70	CODIEN	Vietnamese
18	NGUYỄN HUY THÂN	PPD	73	1	7		70	CODIEN	Vietnamese
19	HOÀNG MINH THƯƠNG	PPD	72	1	10		65	CODIEN	Vietnamese
20	VŨ QUANG TUÂN	PPD	76	1	7		70	CODIEN	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN HOÀNG	PPD	83-84	2	15		72	CODIEN	Vietnamese
22	DƯƠNG TRƯỞNG LÂM	PPD	69-70	2	8		70	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	22	28	143	1.509	40	19		chuyen 01 pax tu P6 SANG CLO
2	P6	0	0	0	0	20	0 + 1		
3	CLO	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	28	143	1.509	60	20		
WEIGHT KG				143	1.509	60			

GRAND TOAL: 1.712 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/03/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: P2 - P7 - HST	CREW: Văn - VAnh - Luy	ETA: 09:15
CAM - 1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN TÙNG	P2	63-64	2	12		63	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN BAO TOÀN	P2	56	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ HUY MẠNH	P2	62	1	11		79	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ HỒNG CUƠNG	P2	52-53	2	20		75	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN THANH TRI	P2	58	1	3		71	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM TRẦN HỮU PHÚC	P2	49	1	7		98	KH-THAC	Vietnamese
7	HÀ QUANG TRUNG	P2	59-60	2	12		53	KH-THAC	Vietnamese
8	LƯƠNG ĐỨC GIANG	P2	57	1	8		78	CODIEN	Vietnamese
9	HÀN CÔNG VIÊN	P2	54	1	10		72	CODIEN	Vietnamese
10	ARTIUSHIN	P2	61	1	14		93	ANTOAN	Russian
11	ĐÀO QUỐC HÙNG	P2	43	1	19		63	XAYLAP	Vietnamese
12	LÊ XUÂN LẬP	P2	44	1	15		66	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN NGỌC GIÁP	P2	50	1	11		58	XAYLAP	Vietnamese
14	ĐẶNG VĂN NAM	P2	47-48	2	17		80	XAYLAP	Vietnamese
15	ĐÀO QUYẾT THẮNG	P2	40	1	10		73	XAYLAP	Vietnamese
16	LƯƠNG ĐỨC DÂN	P2	41-42	2	16		66	XAYLAP	Vietnamese
17	ĐO VĂN TUYẾN	P2	45-46	2	15		82	XAYLAP	Vietnamese
18	LÊ XUÂN VIỆT	P2	39	1	10	14	63	XAYLAP	Vietnamese
19	PHẠM VĂN CHÍNH	P2	51	1	16	30	70	XAYLAP	Vietnamese
20	PHẠM VĂN HIỆP	P2	55	1	12		75	PSV	Vietnamese
21	TRẦN VĂN THỤ	P7	49-50	2	20		52	DVL	Vietnamese
22	LÊ MINH THUẬN	HST	07-09	3	20		69	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	20	26	243	1,456	44	10		
2	P7	1	2	20	52	0	1		
3	HST	1	3	20	69	0	7		
TOTAL		22	31	283	1,577	44	18		
WEIGHT KG				283	1,577	44			

GRAND TOAL: 1.904 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/03/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:40
FLIGHT: 3	TO: P9 - P10 - AMD - TGTH4	CREW: Phong - VLin - DTùng	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DƯƠNG THANH TÙNG	P10	82	1	6		75	DIEUHAN	Vietnamese
2	SOCHIVES I.M	P10	84	1	7		105	KHOAN	Russian
3	ALEKHIN E.V	P10	87-88	2	15		90	KHOAN	Russian
4	SICHINAVA G.V	P10	85	1	13		90	KHOAN	Russian
5	PHẠM THANH LINH	P10	86	1	3	25	55	KHOAN	Vietnamese
6	NIKITIN	P10	83	1	7		95	ANTOAN	Russian
7	LÊ VIỆT HÙNG	P10	91	1	5		67	PSV	Vietnamese
8	NGUYEN DINH KHOI	AMD	33-34	2	17		65	HLJOC	Vietnamese
9	LÊ MANH THANG	AMD	35-36	2	16		58	HLJOC	Vietnamese
10	NGÔ SỸ KHÔI	AMD	27	1	12		67	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN BẠC HÀ	AMD	37	1	10		66	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN ANH KHOA	AMD	28-29	2	12		62	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ THANH TÂN	AMD	32	1	10	22	62	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VAN NGHIEP	AMD	31	1	8		62	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ QUANG THẮNG	AMD	41	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ MINH THẮNG	AMD	26	1	10		70	YTE	Vietnamese
17	PHẠM VĂN TUÂN	AMD	30	1	5		65	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN VIỆT THẮNG	TGTH4	02	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM ANH ĐỨC	TGTH4	89	1	10		71	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	0	0	0	0	0	0 + 1		CHUYỂN 1 PAX TỪ P9 SANG P10
2	P10	7	8	56	577	25	0		
3	AMD	10	13	106	637	22	10		
4	TGTH4	2	2	20	146	0	7		
TOTAL		19	23	182	1.360	47	17		
WEIGHT KG				182	1.360	47			

GRAND TOAL: 1.589 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/03/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:45
FLIGHT: 4	TO: TD5 - VSP01 - P3	CREW: Văn - VAnh - Luy	ETA: 11:25
CAM - 2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ QUÝ BUỒNG	TD5	21	1	17		58	XAYLAP	Vietnamese
2	TRẦN HỒNG THANH	TD5	22	1	18		70	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN BỘ	TD5	19-20	2	20		71	XAYLAP	Vietnamese
4	PHI ĐỨC THỊNH	TD5	18	1	8		60	XAYLAP	Vietnamese
5	PHẠM ĐÌNH DŨNG	TD5	17	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
6	Y DŨNG H MOK	VSP01	52-53	2	13		65	SHINTRAC	Vietnamese
7	TRẦN TRỌNG HAO	VSP01	54	1	14		82	SHINTRAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN THAI	VSP01	50-51	2	17		80	SHINTRAC	Vietnamese
9	LÊ VIỆT SEN	VSP01	60-61	2	15		65	TRƯỜNG Y	Vietnamese
10	HUYNH HỮU VŨ	VSP01	56	1	7	21	62	TRƯỜNG Y	Vietnamese
11	PHẠM DUY PHƯƠNG	VSP01	57	1	7		51	TRƯỜNG Y	Vietnamese
12	TRẦN VĂN TÙNG	VSP01	55	1	5		65	TRƯỜNG Y	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐỨC NHÂN	P3	70	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TRƯỞNG BIÊN	P3	79	1	7		75	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN NGỌC PHÁT	P3	71-72	2	20		70	XAYLAP	Vietnamese
16	HOANG XUÂN HUY	P3	73-74	2	20		62	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN DUY DƯƠNG	P3	57	1	17		67	XAYLAP	Vietnamese
18	BUI NGỌC HOANG	P3	75-76	2	16		62	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN PHÚC SANG	P3	77-78	2	16		61	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN CHU	P3	80	1	12		60	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

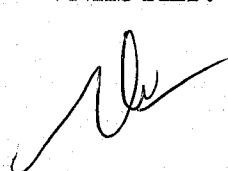
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	5	6	73	329	0	2		
2	VSP01	7	10	78	470	21	3		
3	P3	8	12	114	521	0	1		
TOTAL		20	28	265	1.320	21	6		
WEIGHT KG				265	1.320	21			

GRAND TOAL: 1.606 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN

